

KT3-05906BTP0/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

28/10/2020

Page 01/04

1. Tên mẫu
Name of sample : ĐƯỜNG TINH LUYỆN
2. Mô tả mẫu
Sample description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
Mẫu còn nguyên bao bì và nhãn hiệu.
As received sample is intact package and label.
3. Số lượng mẫu
Quantity : 01
4. Ngày nhận mẫu
Date of receiving : 20/10/2020
5. Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 21/10/2020 – 28/10/2020
6. Nơi gửi mẫu
Customer : CÔNG TY TNHH MTV ĐƯỜNG TTC BIÊN HÒA - ĐỒNG NAI
KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, BH – ĐN
7. Kết quả thử nghiệm
Test results : Xem trang / See page 02 - 04/04

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB



Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM/
HEAD OF TESTING LAB.



Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với $k = 2$, mức tin cậy 95 %.
Estimated expanded uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95 % confidence level.
5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

KT3-05906BTP0/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

28/10/2020
 Page 02/04

7. Kết quả thử nghiệm / Test results:

Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo <i>Limit of Detection/ Range of measurement</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>
7.1. Trạng thái bên ngoài <i>Appearance</i>	QTTN/KT3 234:2019	-	Tinh thể màu trắng, kích thước tương đối đồng đều, hơi khô, không vón cục/ <i>White crystal, relatively same in size, dry</i>
7.2. Mùi Vị / <i>Odor & taste</i>	QTTN/KT3 234:2019	-	Tinh thể đường hoặc dung dịch đường trong nước có vị ngọt, không có mùi vị lạ <i>Sugar crystal or sugar solution in water is sweet, free from foreign odor & taste</i>
7.3. Màu sắc / <i>Color</i>	QTTN/KT3 234:2019	-	Tinh thể trắng óng ánh, khi pha vào nước cất cho dung dịch trong suốt <i>White crystal, clear solution when adding in water</i>
7.4. Hàm lượng sacaroza tính theo khối lượng, % <i>Sucrose content (m/m)</i>	GS 1/2/3/9 - 1 (2011) ICUMSA	-	99,9
7.5. Hàm lượng đường khử tính theo khối lượng, % <i>Reducing sugar content (m/m)</i>	GS 2/3/9 - 5 (2011) ICUMSA	-	$1,00 \times 10^{-2}$
7.6. Hàm lượng tro dẫn điện tính theo khối lượng, % <i>Conductivity ash (m/m)</i>	GS 2/3/9 - 17 (2011) ICUMSA	-	$2,00 \times 10^{-3}$

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với $k = 2$, mức tin cậy 95 %.
Estimated expanded uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95 % confidence level.
- Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@qlatest3.com.vn và rq.tn@qlatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@qlatest3.com.vn and rq.tn@qlatest3.com.vn for further information about test report.

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

KT3-05906BTP0/1

28/10/2020

Page 03/04

7. Kết quả thử nghiệm / Test results:

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo Limit of Detection/ Range of measurement	Kết quả thử nghiệm Test result
7.7. Độ ẩm tính theo khối lượng, % Moisture content (m/m)	GS 2/1/3/9 - 15 (2007) ICUMSA	-	1,30 x 10 ⁻²
7.8. Độ màu/ Color, IU	TCVN 6333:2010	-	8,58
7.9. Năng lượng/Calories • kcal/100 g	QTTN/KT3 024:2018	-	400
7.10. Hàm lượng carbohydrate, g/100 g Carbohydrate content	U.S. FDA 21CFR 101.9	-	100
7.11. Hàm lượng béo, g/100 g Fat content	QTTN/KT3 139:2016 (Ref: FAO FNP 14/8 (p.10)-1986)	0,1	Không phát hiện Not detected
7.12. Hàm lượng protein, g/100 g Protein content	QTTN/KT3 140:2016 Kjeldahl method (Ref: FAO FNP 14/7 (p.221)-1986)	0,1	Không phát hiện Not detected
7.13. Hàm lượng chì, mg/kg Lead content	QTTN/KT3 196:2018 (Ref: AOAC (2013.06))	6,00x10 ⁻³	Không phát hiện Not detected
7.14. Hàm lượng cadimi, mg/kg Cadmium content	AOAC 2016 (2013.06)	1,00 x10 ⁻²	Không phát hiện Not detected
7.15. Hàm lượng asen tổng số, mg/kg Total arsenic content	TCVN 8427:2010	1,00 x10 ⁻²	Không phát hiện Not detected
7.16. Hàm lượng thủy ngân, mg/kg Mercury content	QTTN/KT3 064:2016 (Ref: AOAC (971.21))	1,50 x10 ⁻²	Không phát hiện Not detected
7.17. Hàm lượng sunphua dioxyt (SO ₂), mg/kg Sulfur dioxide content	GS 2/1/7/9 - 33 (2011) ICUMSA	-	0,16

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với k = 2, mức tin cậy 95 %.
Estimated expanded uncertainty of measurement with k = 2, at 95 % confidence level.
- Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

KT3-05906BTP0/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

28/10/2020
 Page 04/04

7. Kết quả thử nghiệm / Test results:

Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo <i>Limit of Detection/ Range of measurement</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>
7.18. Hàm lượng aflatoxin B ₁ , µg/kg <i>Aflatoxin B₁ content</i>	TCVN 7596:2007	0,25	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.19. Hàm lượng aflatoxin, µg/kg <i>Aflatoxin content</i>	TCVN 7596:2007		
• B ₁		0,25	Không phát hiện <i>Not detected</i>
• B ₂		0,10	Không phát hiện <i>Not detected</i>
• G ₁		0,25	Không phát hiện <i>Not detected</i>
• G ₂		0,10	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.20. Tổng số vi khuẩn hiếu khí, CFU/10 g <i>Mesophilic bacteria</i>	GS 2/3 – 41 (2011) - ICUMSA 2017	-	Nhỏ hơn 1 ^(*) <i>Less than</i>
7.21. Tổng số nấm men, CFU/10 g <i>Total yeasts</i>	GS 2/3-47 (2015) - ICUMSA 2017	-	Nhỏ hơn 1 ^(*) <i>Less than</i>
7.22. Tổng số nấm mốc, CFU/10 g <i>Total moulds</i>	GS 2/3-47 (2015) - ICUMSA 2017	-	Nhỏ hơn 1 ^(*) <i>Less than</i>
7.23. Thử nghiệm GMO/ GMO Testing Phát hiện DNA thực vật dựa vào gen trnL (tRNA – Leu gene) <i>Detection of plant DNA based on trnL gene (tRNA – Leu gene)</i>	QTTN/KT3 133 : 2016 Real time PCR	10 copies	Không phát hiện <i>Not detected</i>

Ghi chú/ Notes: Hàm lượng protein/ *Protein content* = 6,25 x Hàm lượng nitơ/ *Nitrogen content*
 (*): Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 1 CFU/10 g khi
 không có khuẩn lạc mọc trên đĩa/ *According to the test method, the result is
 expressed as less than 1 CFU/10 g when the dish contains no colony.*

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
- Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với k = 2, mức tin cậy 95 %.
Estimated expanded uncertainty of measurement with k = 2, at 95 % confidence level.
- Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.